SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 15 /QĐ- KSBT

Ninh Bình, ngày 19 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 ; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ- CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước ;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT- BTC ;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ- SYT ngày 25/12/2025 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình *(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).*

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Kế toán trưởng, các khoa/phòng có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Ban giám đốc Trung tâm;
- Trang thông tin điện tử của đơn vị;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NINH BÌNH

Lê Hoàng Nam

PHỤ LỤC
CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

Đơn vị sử dụng NSNN: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình**

Mã ĐVSDNS: 1079160

(Kèm theo Quyết định số: 15 /QĐ-KSBT ngày 19/01/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình)

Chương: 423

Đ.v tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
A	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**99.649.000.000**	
I	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**99.649.000.000**	
1	**Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ *(Mã nguồn 12. Loại 130 khoản 139)***	**99.649.000.000**	
1.1	**Kinh phí hoạt động**	**72.060.000.000**	
1.2	**Kinh phí đặc thù**	**23.110.000.000**	
	Hoạt động duy trì ISO/IEC 17025: 2017	315.000.000	
	Hoạt động chăm sóc nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống tai nạn lao động và nghề nghiệp	382.000.000	
	Hoạt động kiểm dịch y tế	53.000.000	
	Hoạt động an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm	62.000.000	
	Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em- chiến lược quốc gia về dinh dưỡng	1.503.000.000	
	Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	650.000.000	
	Hoạt động đào tạo- nghiên cứu khoa học	60.000.000	
	Hoạt động dự phòng bệnh răng miệng tại cộng đồng	515.000.000	

	Hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm	3.021.000.000	
	Hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe	1.823.000.000	
	Hoạt động phòng, chống bệnh phong	146.000.000	
	Hoạt động phòng, chống ngộ độc thực phẩm	120.000.000	
	Hoạt động phòng, chống HIV/AIDS	4.101.000.000	
	Hoạt động tiêm chủng mở rộng	2.866.000.000	
	Hoạt động phòng, chống dịch chung	1.722.000.000	
	Hoạt động phòng, chống Sốt xuất huyết	367.000.000	
	Hoạt động nước sạch vệ sinh môi trường	3.175.000.000	
	Hoạt động công tác y tế trường học	574.000.000	
	Hoạt động phòng, chống ký sinh trùng- côn trùng	551.000.000	
	Kinh phí vận chuyển phục vụ công tác sát nhập	350.000.000	
	Hoạt động phòng, chống sốt rét quay trở lại	754.000.000	
1.3	**Kinh phí mua sắm, sửa chữa**	**4.479.000.000**	
	Kinh phí mua sắm	1.479.000.000	
	Kinh phí sửa chữa	3.000.000.000	